TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN THÁI THỤY** **TỈNH THÁI BÌNH**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Bản án số: 09/2024/HNGĐ-ST Ngày 21/3/2024 V/v hôn nhân gia đình	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THÁI THỤY, TỈNH THÁI BÌNH

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Nguyễn Văn Vương.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Vũ Thị Thúy và bà Vũ Thị Dinh.

Thư ký ghi biên bản phiên toà: Bà Phạm Thị Diệu Thúy.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thái Thụy tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thị Thanh Hải - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 3 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình xét xử công khai sơ thẩm vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 205/2023/TLST-HNGĐ ngày 20 tháng 11 năm 2023 về việc "Tranh chấp hôn nhân gia đình". Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 02/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 16 tháng 02 năm 2024 và quyết định hoãn phiên tòa số 02/2024/QĐST - HNGĐ ngày 11/3/2024 giữa:

- Nguyên đơn: Ông Đỗ Văn C, sinh năm 19xx; Nơi cư trú: , huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình (Có mặt)

- Bị đơn: Bà Phạm Thị N, sinh năm 19xx; huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình (Vắng mặt lần thứ hai không có lý do)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và các lời khai tiếp theo và tại phiên tòa nguyên đơn ông Đỗ Văn C trình bày:*

- Về quan hệ hôn nhân: Ông và bà Phạm Thị N tự nguyện tìm hiểu, kết hôn với nhau vào ngày 09/01/2006, đăng ký kết hôn tại UBND xã T. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống tại xã T. Thời gian đầu vợ chồng chung sống bình thường đến đầu năm 2023 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn do tính tình không hợp, không cùng quan điểm sống, vợ chồng không có con chung, không có gì ràng buộc, cuộc sống vợ chồng không có tương lai. Nay ông xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, ông đề nghị Tòa án giải quyết cho ông được ly hôn bà N.

- Về con chung: Ông và bà N không có con chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung: Ông và bà N không có tài sản chung, không có nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Tại bản tự khai và biên bản lấy lời khai, bà Phạm Thị N trình bày:

Về quá trình tìm hiểu kết hôn như ông C trình bày là đúng. Sau khi kết hôn, ông bà chung sống hạnh phúc đến năm 2020, thì bà nghi ngờ ông C có quan hệ bất chính với người phụ nữ khác nên vợ chồng nảy sinh mâu thuẫn. Sau đó, bà đã thuyết phục ông C quay về chung sống cùng bà. Đến cuối năm 2023, ông C tiếp tục gửi đơn xin ly hôn bà, bà xét thấy giữa bà và ông C vẫn còn tình cảm với nhau nên không đồng ý ly hôn.

** Tại biên bản xác minh ngày 23 tháng 01 năm 2024 UBND xã Thái Thịnh cung cấp:*

- Về quan hệ hôn nhân: Ông Đỗ Văn C và bà Phạm Thị N tự nguyện tìm hiểu, kết hôn với nhau vào ngày 09/01/2006, đăng ký kết hôn tại UBND xã T. Trước khi kết hôn, ông bà đều đã có con riêng. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống tại xã T, huyện Thái Thụy. Quá trình chung sống đến khoảng đầu năm 2023 thì nảy sinh mâu thuẫn. Theo bà N thì nguyên nhân mâu thuẫn dẫn đến ông C xin ly hôn là do ông C có tình cảm với người phụ nữ khác. Theo ông C thì ông xin ly hôn vì vợ chồng không có con chung, không có gì ràng buộc, cuộc sống vợ chồng không có tương lai. Nay ông C xác định tình cảm không còn, có đơn đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn, đề nghị Tòa án căn cứ vào quy định của pháp luật để giải quyết.

- Về con chung: Ông C và bà N không có con chung.

- Về tài sản chung: Không thấy có cá nhân hay tổ chức nào có ý kiến về việc ông C và bà N vay nợ.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thái Thụy phát biểu quan điểm tại phiên tòa:

Về tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn, bị đơn đều tuân thủ theo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các quy định của pháp luật: áp dụng khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân gia đình; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147, Điều 238, Điều 271, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 12 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí và lệ phí Tòa án: Xử cho ông Đỗ Văn C ly hôn và Phạm Thị N; Về quan hệ con chung: Không có; Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết. Ông C được miễn án phí ly hôn sơ thẩm và các bên được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Tại thời điểm thụ lý vụ án, bị đơn bà Phạm Thị N đang cư trú tại xã Thái Thịnh, huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Thái Thụy.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Ông Đỗ Văn C và bà Phạm Thị N tự nguyện tìm hiểu và kết hôn với nhau có đăng ký kết hôn vào ngày 09/01/2006, đăng ký kết hôn tại UBND xã T. Tại thời điểm kết hôn, hai bên đủ điều kiện kết hôn, là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn vợ chồng ông bà chung sống bình thường đến đầu năm 2020 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bà N nghi ngờ ông C có người phụ nữ khác, còn ông C cho rằng cuộc sống vợ chồng không có con chung, không gì ràng buộc nên không có tương lai, đến năm 2023 thì mâu thuẫn trầm trọng, ông C gửi đơn xin ly hôn bà N. Nay xác định tình cảm vợ chồng không còn, ông C đề nghị tòa án giải quyết cho ông được ly hôn bà N. Mặc dù bà N không đồng ý ly hôn nhưng khi tòa án triệu tập bà đến Tòa án để hòa giải, giải quyết vụ án bà không đến tòa án chứng tỏ bà N không tha thiết việc đoàn tụ với ông C. Từ những căn cứ trên, HĐXX thấy rằng tình trạng hôn nhân của ông C và bà N đã mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần xử cho ông C được ly hôn bà N là phù hợp với quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[3] Về quan hệ con chung: Ông C và bà N không có con chung nên Hội đồng xét xử không đặt ra giải quyết.

[4] Về quan hệ tài sản chung: Ông C và bà N không đề nghị Tòa án giải quyết nên không đặt ra giải quyết. Khi nào các đương sự có yêu cầu sẽ được giải quyết bằng một vụ án khác.

[5] Về án phí: Ông C là người cao tuổi và có đơn xin miễn án phí nên Hội đồng xét xử căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí và lệ phí Tòa án để miễn án phí cho ông C.

[6] Về quyền kháng cáo: Ông C và bà N có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật tại Điều 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình; Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147, Điều 227, 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 12 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí và lệ phí Tòa án;

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho ông Đỗ Văn C ly hôn bà Phạm Thị N.

2. Về con chung: Ông C, bà N không có con chung.

3. Về tài sản chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về án phí: Miễn án phí cho ông Đỗ Văn C.

5. Về quyền kháng cáo: Ông Đỗ Văn C có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bà Phạm Thị N có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đã ký

Nguyễn Văn Vương

Nơi nhận:
- Các đương sự.
- VKSND huyện Thái Thụy.
- VKSND tỉnh Thái Bình.
- Chi cục THADS huyện Thái Thụy.
- UBND xã T.
- TAND tỉnh Thái Bình.
- Lưu hồ sơ vụ án, HCTP.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**